

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/HC-ST

Ngày: 19 - 9 - 2022

V/v "Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hanh

Bà Kiều Thị Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST- HC ngày 26 tháng 7 năm 2021 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HC ngày 26 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Dương Khắc T, sinh năm 1943 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980 (Theo Giấy ủy quyền ngày 31/5/2021), (có mặt).

Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lỗ Tiến S - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H (Theo Giấy ủy quyền số 104/UBND – TPHT ngày 19/5/2022), (vắng mặt).

3. Người làm chứng:

- Ông Phùng Quang T1, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ông Hoàng K, sinh năm 1938 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 4 B, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ông Dương Văn K, sinh năm 1933 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 5 năm 2021 và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Ông Dương Khắc T là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ số 29, diện tích 3.985m², địa chỉ tại thôn T, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, quy chủ sử dụng đất là ông Dương Văn M (con trai ông Dương Khắc T). Ngày 19/01/2021, ông T nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên tại bộ phận địa chính Ủy ban nhân dân xã H. Sau nhiều lần đến lấy hồ sơ, nhưng đều được cán bộ địa chính trả lời là chưa hoàn thiện xong thủ tục. Ngày 11/5/2021 Ủy ban nhân dân xã H có văn bản số 90/HC-UBND về việc trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Khắc T không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T không đồng ý với nội dung công văn trên vì ông T đã thực hiện đóng thuế sử dụng đất từ năm 1991, được thể hiện tại phiếu thu số 10 ngày 20/12/1991 của Ủy ban nhân dân xã H. Mặt khác ông T có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi Ủy ban nhân dân xã H và có đơn viết tay có xác nhận của những người nguyên là lãnh đạo xã, cán bộ xã, thôn, những người sống cùng thời kỳ với chủ sử dụng đất là ông T. Ông T đã sinh sống trên thửa đất từ năm 1984 và xây nhà để ở ổn định cho đến nay mà không có bất cứ tổ chức hay cá nhân nào có ý kiến hay đơn thư nào phản ánh đến chính quyền địa phương và không bị cơ quan, tổ chức, cá nhân nào xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai. Do vậy, ông T khởi kiện đề nghị Tòa án hủy bỏ công văn số 90/HC-UBND về việc trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T ngày 11/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã H xác nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ số 29, diện tích 3.985m², địa chỉ tại thôn T, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện người bị kiện trình bày: Ủy ban nhân dân xã H nhận được đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích sử dụng là đất ở của ông Dương Khắc T. Căn cứ quy định của Luật đất đai, Ủy ban nhân dân xã H đã tiến hành kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã H và tổ chức Hội nghị lấy ý kiến của khu dân cư để xác minh nguồn gốc sử dụng thửa đất của ông T, kết quả: Về vị trí, nguồn gốc và quy chủ sử dụng đất, theo bản đồ 299, vị trí thửa đất là một phần của thửa 87 và một phần của thửa 88, tờ bản đồ 54. Thửa 87 là đất BCS (đất bằng chưa sử dụng), thửa 88 là đất ONT (hiện nay là đất giáo dục). Thửa 87 không có chủ sử dụng đất. Theo bản đồ VN 2000 vị trí thửa đất là thửa số 14, tờ bản đồ 29, diện tích 3.985m². Mục đích sử dụng ghi trên bản đồ là đất RSM (đất trồng rừng sản xuất), chủ sử dụng đất là hộ ông Dương Ngọc M (con ông T) và vợ là bà Nguyễn Thị Y. Về tình trạng tranh chấp đất đai: Hiện đang có sự tranh chấp về chủ sử dụng đất giữa ông T với cán bộ và nhân dân thôn T. Tại Hội nghị lấy ý kiến khu dân cư ngày 06/5/2021 tại thôn T, thể hiện thửa đất trên không giao cho ông T mà được Hợp tác xã và đội quản lý rừng cũ giao cho Hội người cao tuổi làng Yên Lập (gồm thôn Thông, Cao Hảo và Dộc Sau) quản lý, sử dụng và trồng cây để gây quỹ từ năm 1996, hộ ông T được giao đất lá cọ ở vị trí khác. Về quy hoạch sử dụng đất: Tại vị trí thửa đất trên đã được phê duyệt quy hoạch để mở rộng trường mầm non xã H. Tuy nhiên trong quá trình triển khai hộ ông T không đồng ý nên chưa giải phóng mặt bằng. Do vậy vị trí hộ ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích đất ở là không phù hợp với quy hoạch. Từ kết quả kiểm tra, xác minh về nguồn gốc sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai, sự phù hợp với quy hoạch, do vậy hộ ông T không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đơn đề nghị. Về nội dung ông T trình bày gia đình ông đã đóng thuế sử dụng đất từ năm 1991 nhưng chưa được cấp đất ở. Qua kiểm tra sổ địa chính, tại trang 17, quyển 01 thể hiện hộ bà Lê Thị C, sinh năm 1941 (là chủ hộ), chồng là ông Dương Khắc T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ 53 ở thôn T, H, diện tích là 1.825m². Do vậy nội dung trình bày của ông T là không đúng. Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy văn bản số 90/HC-UBND ngày 11/5/2021 về việc trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đề nghị Ủy ban nhân dân xã H xác nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ số 29, địa chỉ tại thôn T, xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc là không đủ cơ sở pháp lý theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng, ông Phùng Quang T1, tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2022 trình bày: Ông là cán bộ địa chính xã H, thời kỳ từ năm 1981 đến năm 1985. Theo ông được biết diện tích đất tại thôn T ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là từ ngày xưa của Hợp tác xã H quản lý, trước đây

Hợp tác xã có trồng dừa và cọ, sau đó Hợp tác xã không quản lý nữa thì giao cho các cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu sử dụng và thu thuế, lệ phí sử dụng. Diện tích đất ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận là do năm 1984 ông T được Hợp tác xã giao cho quản lý, khi đó trên khu đất trồng rất nhiều cọ nên còn gọi là khu đất lá cọ và ông T sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Đối với phiếu thu số 10 ngày 20/12/1991, ông có thu lệ phí cấp đất thổ cư của ông T, số tiền là 68.000 đồng. Tuy nhiên do thời gian đã lâu nên ông không nhớ là thu để cấp cho ông T thửa đất nào. Sau khi thu lệ phí cấp đất thổ cư của ông T, ông đã nộp lại cho Ủy ban nhân dân xã H theo quy định của pháp luật. Do công việc bận, ông đề nghị Tòa án không triệu tập ông lên làm việc.

Ông Hoàng K, tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2022 trình bày: Ông là cán bộ kế hoạch và phụ trách ngành rừng của Hợp tác xã H thời kỳ từ năm 1975 đến năm 1988. Theo ông được biết diện tích đất tại thôn T ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là từ ngày xưa là của Hợp tác xã H quản lý, trước đây trên đất trồng rất nhiều cọ và dừa, sau đó Hợp tác xã không quản lý nữa thì giao cho các cá nhân, gia đình có nhu cầu sử dụng và có thu thuế, lệ phí sử dụng. Diện tích đất ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận là do năm 1984 ông T được Hợp tác xã giao cho quản lý, khi đó ông và ông Dương Văn K là người trực tiếp giao đất cho ông T. Khi đó trên khu đất trồng nhiều cọ nên còn gọi là khu đất lá cọ và ông T sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Do công việc bận, ông đề nghị Tòa án không triệu tập ông lên làm việc.

Ông Dương Văn K, tại biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2022 trình bày: Ông là phó chủ nhiệm ngành rừng của Hợp tác xã H từ năm 1974 đến năm 1984. Theo ông được biết, diện tích đất tại thôn T ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là từ ngày xưa của Hợp tác xã H quản lý. Trước đây Hợp tác xã có trồng cọ và trồng dừa, sau đó Hợp tác xã không quản lý nữa thì giao cho các cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu sử dụng và thu thuế, lệ phí sử dụng. Ông được biết diện tích đất trên, năm 1984 ông T được Hợp tác xã giao cho quản lý và đó là khu đất lá cọ, ông T sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Nay ông T có đơn khiếu kiện, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T2, tại biên bản lấy lời khai ngày 03/12/2021 trình bày: Ông là hàng xóm của ông Dương Khắc T, gia đình ông sinh sống ở thôn T từ lâu đời và ở gần với diện tích đất ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ những năm 1984 khi ông còn nhỏ có chăn thả trâu bò gần đó thì thấy ông T có xây 01 nhà 03 gian lợp lá cọ và trồng sắn cùng một số cây cọ trên đất. Năm 1988 ông đi bộ đội về thì thấy ông T đã trồng bạch đàn trên đất, từ đó cho đến nay ông thấy ông T vẫn sử dụng ổn định. Sau này ông thấy ông T xây dựng tường bao loan và xây nhà trên đất. Ông không nhớ cụ thể trường Mầm non xã H xây dựng năm nào, nhưng ông nhớ khi trường Mầm non xây dựng, Ủy ban nhân dân xã H định lấy vào một phần đất

của ông T để xây dựng trường nhưng ông T ngăn cản không đồng ý nên Ủy ban nhân dân xã H đã thôi không lấy đất của ông T nữa. Nay ông T có đơn khiếu kiện, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai 2013 và Điều 20, Điều 21, Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Khoản 4 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 19, khoản 2 Điều 37 Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Khắc T. Hủy toàn bộ Công văn số 90/HC-UBND ngày 11/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc Ủy ban nhân dân xã H phải thực hiện hành vi hành chính xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Khắc T đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ 29 tại thôn T, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật. Về án phí, người bị kiện phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính. Người khởi kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã trên cùng địa bàn huyện Tam Dương nên Tòa án nhân dân huyện TD thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật tổ tụng hành chính là đúng thẩm quyền.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 11/5/2021 Ủy ban nhân dân xã H ban hành Công văn số 90/HC-UBND, ngày 01/6/2021 Tòa án nhân dân huyện TD nhận được đơn khởi kiện của người khởi kiện, là đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền ban hành Công văn số 90: Theo quy định của Luật đất đai năm 2013 thẩm quyền xác nhận vào đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của Ủy ban nhân dân cấp xã. Do vậy Công văn số 90/HC-UBND ngày 11/5/2021 về việc trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T do Ủy ban nhân dân xã H ban hành đúng thẩm quyền.

[4] Về sự vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng

mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đại diện người bị kiện theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 19/01/2021, ông Dương Khắc T nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bộ phận địa chính Ủy ban nhân dân xã H. Đơn của ông T không làm theo mẫu 04a/ĐK được ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; tuy nhiên Ủy ban nhân dân xã H sau khi tiếp nhận đơn của ông T đã không hướng dẫn ông T làm lại đơn theo mẫu quy định, không tiến hành thực hiện các bước về trình tự, thủ tục quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Đến ngày 11/5/2021 Ủy ban nhân dân xã H mới có văn bản số 90/HC-UBND về việc trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai 2013 và Điều 20, Điều 21, Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Khoản 4 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 19, khoản 2 Điều 37 Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thì thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu được quy định như sau: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện kiểm tra hồ sơ, niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43.

Điểm a, c khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43 quy định: Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định 43 thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch... và gửi hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai.

Điểm d, khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43 quy định Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc như sau: Kiểm tra hồ sơ đăng ký; xác minh thực địa trong trường hợp cần thiết; xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào đơn đăng ký.

Như vậy, theo quy định trên thì Ủy ban nhân dân xã H có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký, niêm

yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng đất trong thời hạn 15 ngày. Sau khi kết thúc việc niêm yết thì hoàn thiện hồ sơ và gửi hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để kiểm tra, xác minh trình cấp có thẩm quyền ký quyết định cấp giấy chứng nhận. Chỉ Văn phòng đăng ký đất đai mới có thẩm quyền xác nhận ông T đủ điều kiện hay không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân xã H không có thẩm quyền xác định ông T đủ điều kiện hay không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nội dung Công văn số 90: Ủy ban nhân dân xã H không xác nhận vào đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Khắc T với lý do nguồn gốc sử dụng đất không phải là đất ở, đất đang có sự tranh chấp, không phù hợp với quy hoạch nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo đại diện của người khởi kiện thì nguồn gốc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 29, diện tích 3.985m^2 tại thôn T, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc do Hợp tác xã H giao cho ông T sử dụng từ năm 1984 và ông T thực hiện đóng thuế sử dụng đất từ năm 1991. Sau khi được giao đất, ông T đã làm nhà và ở ổn định cho đến nay, mà không có bất cứ cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào có ý kiến hay đơn thư phản ánh đến chính quyền địa phương và cũng không bị cơ quan tổ chức nào xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai. Điều này cũng phù hợp với lời khai của những người làm chứng là ông Phùng Quang T1, nguyên cán bộ địa chính xã H thời kỳ năm 1981 – 1985; ông Hoàng K, nguyên cán bộ kế hoạch và phụ trách ngành rừng thời kỳ 1975 – 1988; ông Dương Văn K, nguyên phó chủ nhiệm ngành rừng thời kỳ 1974 – 1984 và ông Nguyễn Văn T2 là hàng xóm sinh sống từ nhỏ ở thôn T và ở gần diện tích đất ông T đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đều thể hiện diện tích đất ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thôn T, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc có nguồn gốc là từ năm 1984 Hợp tác xã H giao cho ông T quản lý, khi đó trên đất trồng nhiều cọ nên còn gọi là khu đất lá cọ. Sau khi nhận quản lý ông T làm nhà, trồng cây và sử dụng ổn định từ đó cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, về nguồn gốc thửa đất số 14, tờ bản đồ 29 tại thôn T, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, thể hiện: Theo bản đồ 299 (lập khoảng năm 1987, 1988) tờ số 54 là thửa đất số 87, diện tích 8.136m^2 ký hiệu Hgđn (Hoang đồi núi); theo sổ mục kê, tờ bản đồ số 54, số thửa 87 không quy chủ tên chủ sử dụng đất, diện tích 8.136m^2 , loại ruộng đất ký hiệu RT (Rừng trồng). Theo bản đồ VN 2000 (được lập năm 2010), tờ bản đồ 29, là thửa số 14, diện tích 3.985m^2 , ký hiệu RSM (là đất trồng rừng sản xuất); theo sổ mục kê VN 2000, tờ bản đồ số 29, số thửa 14, tên người sử dụng là hộ ông Dương Ngọc M (con trai ông T), loại đối tượng GDC (Gia đình, cá nhân) diện tích là 3.985m^2 , kiểm kê RSM (rừng sản xuất).

Đối với phiếu thu số 10 ngày 20/12/1991, do người khởi kiện nộp cho Tòa án, thể hiện người nộp tiền là ông Dương Khắc T, nội dung thu là thu lệ phí cấp đất thổ cư, số tiền thu là 68.000đ (sáu mươi tám ngàn đồng chẵn). Phiếu thu không thể hiện việc thu tiền lệ phí cấp đất thổ cư ở vị trí nào, diện tích là bao nhiêu; theo ông T phiếu thu này là ông nộp lệ phí cấp đất đối với thửa đất hiện nay ông đang đề nghị Ủy ban nhân dân xã H xác nhận vào đơn xin cấp đất cho ông. Theo người đại diện của Ủy ban nhân dân xã H thì Ủy ban nhân dân xã không lưu hồ sơ, sổ sách liên quan đến việc thu lệ phí trên và không có tài liệu cung cấp cho Tòa án.

Theo đại diện của người bị kiện, thì đối với thửa đất ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích này trước đây Hợp tác xã và đội quản lý rừng cũ đã giao cho hội người cao tuổi làng Yên Lập quản lý, sử dụng và trồng cây để gây quỹ từ năm 1996. Tòa án đã có buổi làm việc với ông Vũ Hữu Nghĩa là Hội trưởng hội người cao tuổi làng Yên Lập và một số thành viên khác trong hội, cung cấp thông tin thửa đất ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận là năm 1986 Hợp tác xã H bàn giao cho Hội người cao tuổi thôn Yên Lập quản lý sử dụng để gây quỹ nhưng đến năm 1996 thì mới có biên bản bàn giao. Tại buổi làm việc, ông Nghĩa cung cấp cho Tòa án “Biên bản bàn giao công tác hội người cao tuổi thôn Yên Lập”, biên bản ghi ngày 21/01/1996; tuy nhiên trong biên bản bàn giao không thể hiện nội dung Hợp tác xã H bàn giao đất cho Hội người cao tuổi, không thể hiện diện tích đất Hội người cao tuổi được giao quản lý là bao nhiêu và ở vị trí nào.

Tại phiên tòa ngày 20/5/2022, Hội đồng xét xử đã yêu cầu người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện cung cấp cho Hội đồng xét xử các tài liệu liên quan đến việc phê duyệt quy hoạch địa điểm xây dựng Trường Mầm non xã H (cơ sở 2), huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; tài liệu liên quan đến quy trình giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đại diện theo ủy quyền của người bị kiện không cung cấp được tài liệu cho Hội đồng xét xử.

Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Vĩnh Phúc, thể hiện: Tại Quyết định số 2252/QĐ-UBND ngày 25/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt quy hoạch địa điểm xây dựng Trường Mầm non xã H (cơ sở 2), huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, vị trí tại thôn C, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; diện tích: 8392m². Tuy nhiên Quyết định phê duyệt quy hoạch địa điểm xây dựng Trường Mầm non xã H (cơ sở 2) được ban hành năm 2011, sau thời điểm ông T sử dụng đất trồng cây, xây dựng nhà. Đại diện người bị kiện không xác định được diện tích đất ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận có bao nhiêu phần diện tích nằm trong quy hoạch, hay có phần diện tích nào không nằm trong quy hoạch và sau khi có quyết định số 2252/QĐ-UBND ngày 25/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt quy hoạch địa điểm xây dựng Trường Mầm non xã H (cơ sở 2), Ủy ban nhân dân xã H có thực hiện các quy trình giải phóng mặt

bằng theo quy định của pháp luật hay không thì không rõ, do hiện nay Ủy ban nhân dân xã không có hồ sơ liên quan đến quy trình giải phóng mặt bằng. Hiện nay trường Mầm non xã H (cơ sở 2) đã đi vào hoạt động và có khuôn viên, tường bao loan ngăn cách với thửa đất ông T đề nghị cấp giấy chứng nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Công văn số 90/HC-UBND về việc trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T ngày 11/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã H được hành đúng thẩm quyền, nhưng nội dung không phù hợp với các quy định của pháp luật về đất đai về điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận, nên Ủy ban nhân dân xã H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai 2013 và Điều 20, Điều 21, Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Khoản 4 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 19, khoản 2 Điều 37 Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Khắc T.

Hủy toàn bộ Công văn số 90/HC-UBND ngày 11/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Buộc Ủy ban nhân dân xã H phải thực hiện hành vi hành chính xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Khắc T đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ 29 tại thôn T, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân xã H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh